

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI (LAND DATABASE)

I. Thông tin về học phần

- Mã học phần: QL02022
- Học kì: 3
- Tín chỉ: 2 (**Lý thuyết 1,5 - Thực hành 0,5**)
- Tự học 04
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 22 tiết
 - + Thực hành trong phòng máy: 8 tiết
- Tự học: 60 tiết (theo kế hoạch cá nhân có hướng dẫn của giảng viên)
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Hệ thống thông tin đất đai
 - Khoa: Quản lý đất đai
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>					
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên sâu <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>
		<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Học phần học song hành: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

*** Mục tiêu :**

- Về kiến thức: Về kiến thức: Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu nhằm tổ chức và quản lý tốt các dữ liệu nói chung và dữ liệu đất đai nói riêng, bên cạnh đó sinh viên còn có các kiến thức về các hệ quản trị cơ sở dữ liệu thông dụng, được kết hợp giữa lý thuyết và thực hành. Sau khi học môn này, sinh viên sẽ có nền tảng kiến thức để tiếp cận với các môn học tin học chuyên ngành khác như Hệ thống thông tin địa lý (GIS), Hệ thống thông tin đất (LIS),...

- Về kỹ năng: Sinh viên sẽ sử dụng thành thạo về phần mềm của Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (Access,..)

- Về thái độ và năng lực tự chủ: Tạo cho sinh viên khả năng nghiên cứu độc lập và tự chủ

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

1. Không liên quan; 2. Ít liên quan; 3. Rất liên quan

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT													
		CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CD7	CDR8	CDR9	CDR10	CDR11	CDR12	CDR13	CDR14
QL02022	Cơ sở dữ liệu đất đai	1	2	3	2	1	1	1	1	3	1	1	1	1	1

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT			
		CDR15	CDR16	CDR17	CDR18
QL02022	Cơ sở dữ liệu đất đai	1	1	2	2

Ký hiệu	KQHTMĐ của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CDR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Hiểu rõ được các khái niệm cơ bản về cơ sở dữ liệu; Mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ; Cơ sở dữ liệu đất đai	CDR2, CDR3
K2	Biết cách tổ chức, xây dựng và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ công tác quản lý đất đai	CDR3, CDR4
Kỹ năng		
K3	Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính, cơ sở dữ liệu quy hoạch, cơ sở dữ liệu giá đất, cơ sở dữ liệu thống kê kiểm kê phục vụ các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai	CDR3, CDR4, CDR9
K4	Làm thành thạo một phần mềm để xây dựng và thao tác cơ sở dữ liệu.	CDR9
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K5	Chủ động trong học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm; thành thạo tìm kiếm tài liệu để tiếp cận với khoa học hiện đại và có ý thức học tập suốt đời.	CDR18
K6	Thể hiện trách nhiệm với môi trường và xã hội, chủ động, hợp tác trong công việc nhằm phát huy trí tuệ tập thể	CDR17

III. Nội dung tóm tắt của học phần.

QL02022. Cơ sở dữ liệu đất đai (Land DataBase). (2TC:1,5-0,5-4). Các khái niệm cơ bản về cơ sở dữ liệu; Mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ; Cơ sở dữ liệu đất đai; Ngôn ngữ SQL trong cơ sở dữ liệu đất đai.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- + Thuyết giảng
- + Nghiên cứu tình huống
- + Sử dụng câu hỏi TNKQ trong giảng dạy
- + Giải quyết các tình huống trên phần mềm

2. Phương pháp học tập

- + Nghiên cứu đọc tài liệu tham khảo
- + Thảo luận tích cực các tình huống giảng viên đưa ra
- + Chủ động đặt câu hỏi và xử lý câu hỏi.
- + Thực hành tình huống trên phần mềm

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự ít nhất 75% số tiết học
- Chuẩn bị cho bài giảng: + Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc sách tham khảo do giảng viên cung cấp trước mỗi buổi học.
 - + Làm các bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ
 - + Tham gia đầy đủ các buổi thực hành của môn học
- Thi cuối kì: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia và làm bài thi cuối kỳ

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm cuối kì là điểm trung bình cộng của những điểm thành phần sau:

- Điểm chuyên cần: 1
- Điểm quá trình/Điểm kiểm tra giữa kì: 3
- Điểm kiểm tra cuối kì: 6

3. Phương pháp đánh giá

Rubric đánh giá	Nội dung/Tiêu chí đánh giá	KQHTMD được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Chuyên cần			10	
Chuyên cần	Thời gian tham dự	K1,K2,K3,K4,K5,K6	5	1-10
	Thái độ học tập	K1,K2,K3,K4,K5,K6	5	
Đánh giá quá trình			30	
Thực hành trong phòng máy	Thời gian tham dự		5	8-10
	Mức độ hoàn thành Bài tập	K1,K2,K3,K4,K5,K6	5	
	Sử dụng phần mềm	K1,K2,K3,K4,K5,K6	5	
Thi thực hành	Mức độ hoàn thành của bài thi	K1,K2,K3,K4,K5,K6	8	10
	Sự vận dụng linh hoạt kiến thức vào bài thi	K1,K2,K3,K4,K5,K6	7	10
Cuối kì			60	16-18
Thi cuối kỳ	Nội dung kiểm tra toàn bộ	K1,K2,K3,K4,K5,K6	60	

	những kiến thức và kỹ năng đã học.			
--	------------------------------------	--	--	--

Rubric 1: Tham dự lớp

<i>Tiêu chí</i>	<i>Tốt</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Kém</i>
Thời gian tham dự	85-100%	75-85%	<75%
Thái độ học tập	Tích cực đóng góp ý kiến	Thỉnh thoảng đóng góp ý kiến	Không đóng góp ý kiến

Rubric 2: Bài thực hành

<i>Tiêu chí</i>	<i>Tốt</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Kém</i>
Thời gian tham dự thực hành	Có mặt đầy đủ số giờ	Vắng 1 buổi	Vắng 2 buổi
Thực hiện bài tập thực hành	Hoàn thành >90% bài tập cô giao	Hoàn thành 50- 90% (0,3đ)	Hoàn thành <50% (0đ)
Sử dụng phần mềm	Thành thạo, khoa học	Biết sử dụng (0,3đ)	Không thành thạo (0đ)

Rubric 3: Đánh giá giữa kì

<i>Tiêu chí</i>	<i>Tốt</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Kém</i>
Mức độ hoàn thành bài thi	Đúng thời gian quy định, Đúng theo đáp án	Bài làm đúng theo đáp án 50-80%	Bài làm kém
Sự vận dụng linh hoạt kiến thức vào bài thi	Biết cách vận dụng linh hoạt	Vận dụng ở mức TB	Không biết cách vận dụng

Rubric 4: Đánh giá cuối kì

<i>Tiêu chí</i>	<i>Tốt</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Kém</i>
Mức độ hoàn thành bài thi	Đúng thời gian quy định, Đúng theo đáp án	Bài làm đúng theo đáp án 50-80%	Bài làm kém
Sự vận dụng linh hoạt kiến thức vào bài thi	Biết cách vận dụng linh hoạt	Vận dụng ở mức TB	Không biết cách vận dụng

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Tất cả các sinh viên phải tham gia thực hành trên máy, nếu không tham gia sẽ bị 0đ vào điểm giữa kỳ và không được tham gia thi cuối kỳ.

Yêu cầu về đạo đức: Tôn trọng, hợp tác, giúp đỡ bạn bè, thầy cô, đồng nghiệp.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

- [1] Giáo trình Cơ sở dữ liệu đất đai – 2017- Lê Thị Giang, Nguyễn Đình Công, Trần Quốc Vinh – Học viện Nông nghiệp Việt Nam
- [2] Nhập môn cơ sở dữ liệu -Lê Tiến Vương- NXB Khoa học và Kỹ thuật
- [3] Nhập môn các Hệ cơ sở dữ liệu – 1986 – C.J.Date do Hồ Thuần dịch – NXB Thống kê
- [4] Nhập môn Cơ sở dữ liệu – 1996 - Trần Thành Trai – NXB Trẻ

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Phần lý thuyết (1,5TC)

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
1-2	<p align="center">Chương 1: Khái niệm cơ bản về cơ sở dữ liệu</p> <p>A. Các nội dung chính trên lớp (6t)</p> <p>1.1. Khái niệm 1.2. Yêu cầu 1.3. Tính độc lập dữ liệu 1.4. Kiến trúc một hệ cơ sở dữ liệu 1.5. Các mối quan hệ trong cơ sở dữ liệu 1.5.1. Mối quan hệ 1:1 1.5.2. Mối quan hệ 1:n 1.5.3. Mối quan hệ n:n 1.6. Các mô hình cơ sở dữ liệu 1.6.1. Mô hình phân cấp (Hierarchical Model) 1.6.2. Mô hình mạng lưới 1.6.3. Mô hình quan hệ</p> <p>B. Các nội dung tự học ở nhà (12t)</p> <p>1.7. Ôn lại kiến thức chương 1 1.8. Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo</p>	K1, K2
3-4	<p align="center">Chương 2. Mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ</p> <p>A. Các nội dung chính trên lớp (6t)</p> <p>2.1. Các khái niệm cơ bản 2.1.1. Khái niệm về quan hệ 2.1.2. Miền và thuộc tính 2.1.3. Khoá</p> <p>2.2. Các phép tính trên cơ sở dữ liệu 2.2.1. Phép chèn (INSERT) 2.2.2. Phép loại bỏ (DEL) 2.2.3. Phép thay đổi (CHANGE)</p> <p>2.3. Ngôn ngữ thao tác dữ liệu 2.3.1. Phép hợp 2.3.2. Phép giao 2.3.3. Phép trừ 2.3.4. Tích Đề các 2.3.5. Phép chiếu 2.3.6. Phép chọn 2.3.7. Phép kết nối</p> <p>2.4. Lý thuyết thiết kế cơ sở dữ liệu quan hệ 2.4.1. Phụ thuộc hàm 2.4.2. Các dạng chuẩn hoá của cơ sở dữ liệu quan hệ.</p> <p>B. Các nội dung tự học ở nhà (12t)</p> <p>2.5. Ôn lại kiến thức chương 2 2.6. Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo</p>	K1, K2

5-6	<p>Chương 3: Ngôn ngữ SQL</p> <p>A. Các nội dung chính trên lớp (6t)</p> <p>3.1. Giới thiệu chung về ngôn ngữ SQL</p> <p>3.1.1. Giới thiệu</p> <p>3.1.2. Những quy ước chung</p> <p>3.1.3. Các kiểu dữ liệu</p> <p>3.1.4. Toán tử và hàm chuẩn</p> <p>3.2. Cú pháp lệnh của SQL</p> <p>3.3. Cài đặt và hiệu chỉnh cơ sở dữ liệu</p> <p>3.4. Các lệnh truy vấn trong cơ sở dữ liệu đất đai</p> <p>3.4.1. Lệnh tìm kiếm đơn giản SELECT</p> <p>3.4.2. Lệnh tìm kiếm có điều kiện</p> <p>3.4.3. Lệnh tìm kiếm theo nhóm</p> <p>3.4.4. Lệnh tìm kiếm có điều kiện của nhóm</p> <p>3.4.5. Sắp xếp dữ liệu</p> <p>3.4.6. Tìm kiếm theo phương pháp kết nối nhiều bảng</p> <p>3.4.7. Tìm kiếm theo phương pháp lồng nhiều mệnh đề</p> <p>3.4.8. Lưu trữ dữ liệu</p> <p>B. Các nội dung tự học ở nhà (6t)</p> <p>3.5. Ôn lại kiến thức chương 3</p> <p>3.6. Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo (chuẩn bị chương 4)</p>	K1, K2,K3,K4
7	<p>Chương 4: Cơ sở dữ liệu đất đai</p> <p>A. Các nội dung chính trên lớp (4t)</p> <p>4.1. Khái niệm</p> <p>4.2. Nguyên tắc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai</p> <p>4.3. Các thành phần và nội dung của Cơ sở dữ liệu đất đai</p> <p>4.3.1. Thành phần của cơ sở dữ liệu đất đai</p> <p>4.3.2. Nội dung Cơ sở dữ liệu đất đai</p> <p>4.4. Trách nhiệm xây dựng CSDL đất đai</p> <p>4.5. Trình tự xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai</p> <p>4.6. Quản lý và vận hành CSDL đất đai</p> <p>4.6.1. Mô hình quản lý và vận hành CSDL đất đai địa phương</p> <p>4.6.2. Cập nhật Cơ sở dữ liệu đất đai</p> <p>4.6.3. Cung cấp thông tin đất đai</p> <p>B. Các nội dung tự học ở nhà (8t)</p> <p>4.7. Ôn lại kiến thức chương 4</p> <p>4.8. Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo</p>	K2, K4,K5,K6

Thực hành môn học (0,5TC)

Nội dung thực hành	Số tiết chuẩn	Số tiết thực hiện	Địa điểm thực hành
Bài 1: Giới thiệu phần mềm	2,5	5	Phòng máy tính
- Giới thiệu phần mềm Access/SQL	1	2	
- Các chức năng thao tác trên phần mềm	1,5	3	
Bài 2: Xây dựng cơ sở dữ liệu	2,5	5	Phòng máy tính
- Tạo bảng dữ liệu trong Access/SQL	2	4	
- Tạo menu nhập dữ liệu	0,5	1	
Bài 3: Thao tác trên cơ sở dữ liệu	2,5	5	Phòng máy tính

- Tìm kiếm dữ liệu bằng SQL	1,5	3	
- Cập nhật dữ liệu	1	2	
Tổng	7,5	15	

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học, thực hành: Phòng học sạch sẽ, rộng, thoáng kèm theo các thiết bị thiết yếu như bàn ghế tốt, quạt tốt.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Đầy đủ phương tiện cần thiết như máy chiếu, bảng phấn, loa mic

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2018

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Trần Quốc Vinh

PGS.TS. Lê Thị Giang

TRƯỞNG KHOA

DUYỆT CỦA HỌC VIỆN

PGS.TS. Cao Việt Hà

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Lê Thị Giang	Học hàm, học vị: PGS.TS
Địa chỉ cơ quan: học viện NNVN, Trâu Quỳ Gia Lâm Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0906190175
Email: lethigiang@vnua.edu.vn	Trang web: http://qldd.vnua.edu.vn/vi/
Cách liên lạc với giảng viên: qua Email, điện thoại	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Trần Quốc Vinh	Học hàm, học vị: PGS.TS
Địa chỉ cơ quan: học viện NNVN, Trâu Quỳ Gia Lâm Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 09106869368
Email: tqvinh@vnua.edu.vn	Trang web: http://qldd.vnua.edu.vn/vi/
Cách liên lạc với giảng viên: qua Email, điện thoại	